

Bản án số: 123/2017/HC-PT

Ngày 17 tháng 8 năm 2017

“V/v Khiếu kiện QĐ hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Sơn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Long
Ông Trương Công Thi

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Ba, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Đặng Thọ Định, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 101/2017/TLPT-HC ngày 03 tháng 5 năm 2017 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 28/02/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2017/QĐXXPT-HC ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Lương Văn D, sinh năm 1970; ông Lương Văn Đ, sinh năm 1964 và bà Lương Thị S, sinh năm 1976; Cùng trú tại: Thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lương Văn Đ và bà Lương Thị S là: Ông **Lương Văn D**, sinh năm 1970. Ông D có mặt.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:** Ông Trịnh Bình T – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt.

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí H – Phó chủ tịch. Vắng mặt

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Tr - Phó chủ tịch. (Theo văn bản ủy quyền số 04/GUQ-UBND ngày 26/6/2017). Vắng mặt

3. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Tr - Phó chủ tịch. (Theo văn bản ủy quyền số 04/GUQ-UBND ngày 26/6/2017). Vắng mặt

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên: Ông Mai Kim L – Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên. Có mặt

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã STT, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức H – Phó chủ tịch và ông Đặng Long Ng – Địa chính xã. Vắng mặt

2. Ban quản lý rừng phòng hộ T. Vắng mặt

3. Ông Trần Văn Th, sinh năm 1963; Địa chỉ: Đội 3, Nông trường ST, huyện T. Vắng mặt

4. Ông Nguyễn Bá L, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn Đ, xã STT, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

*** Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông Lương Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện người khởi kiện ông Lương Văn D, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Chúng tôi (Lương Văn D, Lương Văn Đ và Lương Thị S) có ký giấy nhận chuyển nhượng đất và hoa màu với ông Nguyễn Bá L vào ngày 02/8/2000. Theo đó, ông Nguyễn Bá L chuyển nhượng cho chúng tôi diện tích đất 15.000m² tọa lạc tại thôn Đ, xã STT, huyện T, tỉnh Phú Yên với giá 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Nguyên diện tích đất này trước đây là của ông Trần Văn Th khai hoang và sử dụng từ trước năm 1993 nhưng đến năm 1995 thì ông Th chuyển

nhượng lại cho ông Nguyễn Bá L. Ông Nguyễn Bá L đã đăng ký kê khai đối với diện tích đất này và có tên trong sổ mục kê lập năm 1998. Sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Bá L, chúng tôi đã trực tiếp quản lý, sử dụng vào mục đích trồng trọt đến nay không ai tranh chấp.

Đến năm 2010, Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi diện tích 2.500m² của chúng tôi để làm nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đ và 9.600m² để thực hiện công trình sử dụng nước sau thủy điện SH (hạng mục kênh chính Đông) nhưng không bồi thường về đất cho chúng tôi. Diện tích đất mà ủy dân huyện T thu hồi của tôi nằm trong tổng diện tích 15.000m² đã nhận chuyển nhượng nói trên.

Nay chúng tôi yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 332/QĐ-UBND ngày 22/02/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên; Quyết định 1800/QĐ-UBND ngày 09/11/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên “V/v Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để UBND xã STT xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đ” Quyết định giải quyết khiếu nại số 1246/QĐ-UBND ngày 03/5/2012 của Chủ tịch UBND huyện T; hủy một phần các quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 27/11/2009 của UBND huyện T “V/v Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ công trình: Sử dụng nước sau nhà máy thủy điện SH - Kênh chính đông; địa điểm: xã STT, huyện T (đợt 2)”, Quyết định số 4965/QĐ-UBND ngày 16/9/2011 của UBND huyện T “V/v Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ Công trình: Sử dụng nước sau nhà máy thủy điện SH, hạng mục kênh chính đông (đợt 4)” khi thực hiện dự án công trình sử dụng nước sau thủy điện SH (hạng mục kênh chính Đông).

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T phải lập phương án bồi thường, hỗ trợ về đất đối với diện tích 2.500m² đất đã thu hồi để làm nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đ và 9.600m² đất thu hồi để thực hiện công trình sử dụng nước sau thủy điện SH (hạng mục kênh chính Đông).

Theo Văn bản ý kiến số 4369/UBND-NC ngày 26/8/2016 người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên trình bày:

Nguyên thừa đất ông Lương Văn D, Lương Văn Đ, bà Lương Thị S (do ông Lương Văn D làm đại diện) đang khiếu kiện tọa lạc tại thôn Đ, xã STT, huyện T do ông Trần Văn Th tự chiếm với diện tích khoảng 15.000m², sau đó chuyển nhượng cho ông Nguyễn Bá L. Năm 1995, ông Nguyễn Bá L đứng ra kê khai đăng ký quyền sử dụng đất (không có đơn) diện tích 7.790m² (nằm trong tổng diện tích đất nhận chuyển nhượng). Năm 1996, UBND xã ST được đo đạc theo tọa độ quốc gia, tại sổ mục kê quyền số 03 lập năm 1998 thể hiện: Thửa số 48, diện tích 7.790m²,

loại đất màu (ĐM) do ông Nguyễn Bá L đứng tên. Sau đó, ông Nguyễn Bá L chuyển nhượng lại cho ông Lương Văn D, Lương Văn Đ và bà Lương Thị S diện tích 15.000m² (thửa đất được chia làm ba phần, không nói rõ diện tích) với số tiền 70.000.000 đồng theo giấy chuyển nhượng đất và hoa màu đề ngày 02/8/2000 không có xác nhận của chính quyền địa phương. Kể từ đó hộ ông D, Đ và bà S tiếp tục trồng sắn, mía trên đất được chuyển nhượng. Trong quá trình sản xuất, 03 hộ có thực hiện nghĩa vụ tài chính về thuế sử dụng đất năm 2008, 2009; thuế sử dụng đất từ năm 2007 trở về trước do ông Nguyễn Bá L đóng.

Trong quá trình thực hiện dự án sử dụng nước sau nhà máy thủy điện SH (hạng mục kênh Chính đông) ngày 28/3/2011, UBND huyện T ra Quyết định thành lập Hội đồng đăng ký kê khai và xét giao đất xã STT, do Chủ tịch UBND xã STT làm chủ tịch Hội đồng.

Căn cứ khoản 3, Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 5, Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, điều kiện để được bồi thường đất: “Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có hộ khẩu thường trú tại địa phương và trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn ở miền núi, hải đảo, nay được ủy ban nhân dân xã nơi có đất xác nhận là người đã sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp”. Hội đồng đăng ký kê khai và xét giao đất xã STT tổ chức họp xét trên cơ sở đưa ra 07 tiêu chí xét những hộ đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, điều kiện để được bồi thường và hỗ trợ bị ảnh hưởng bởi dự án Sử dụng nước sau nhà máy thủy điện SH (hạng mục kênh chính đông).

- Hộ phải có hộ khẩu thường trú tại xã STT;
- Hộ phải có đơn;
- Hộ đang sản xuất trực tiếp trên đất được xét;
- Đất xét giao không có tranh chấp đến thời điểm xét;
- Đất xét giao phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của xã STT;
- Chỉ xét giao đối với diện tích bị ảnh hưởng kênh Chính đông;
- Có giấy xác nhận đối với hộ trong tỉnh Phú Yên và giấy cam kết đối với hộ ngoài tỉnh với nội dung là chưa được cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ tại địa phương cũ trong thời gian từ năm 1993 đến khi tới cư trú tại xã STT.

Để xét bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Lương Văn D, Lương Văn Đ, bà

Lương Thị S, Hội đồng đăng ký kê khai và xét giao đất xã STT căn cứ điểm c, khoản 2, Điều 5 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc xác định khoản chi phí, đầu tư vào đất còn lại đối với các trường hợp không có hồ sơ, chứng từ về chi phí đã đầu tư vào đất cho phù hợp với thực tế tại địa phương Quyết định số 1747/2010/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 của UBND tỉnh Phú Yên về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chính sách hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất ... và Quyết định số 2215/2010/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của UBND tỉnh Phú Yên v/v ban hành bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2011. Vì ông D, ông Đ và bà S không có hộ khẩu thường trú tại xã STT, không có quyết định thu hồi đất, do đó không được bồi thường, chỉ được hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất, trong đó giá đất cho loại đất hàng năm khác (BHK) là 13.000đồng/m², ông D được tính hỗ trợ số tiền: 5.374,2m² X 13.000 đồng/m² X 10% = 6.986.460 đồng.

Qua làm việc với Sở Tài nguyên và Môi trường vào các ngày 24/10/2012 và ngày 23/01/2013, UBND xã STT cung cấp:

Ngày 18/7/2007, UBND xã STT ký hợp đồng thuê đất số 281/HĐ- UBND đối với ông D, diện tích 2.925m², loại đất công ích, thời gian thuê 02 năm, từ ngày 01/7/2007 đến ngày 01/7/2009 với số tiền là 338.130 đồng. Nhưng qua kiểm tra thực tế, diện tích này nằm trong diện tích 7.790m², thuộc thửa 48, tờ bản đồ số 49D do ông Nguyễn Bá L đứng tên, không phải là đất công ích do UBND xã quản lý. Việc này, UBND xã STT thừa nhận việc cho thuê đất là không đúng theo quy định tại điều 32 Luật đất đai 2003.

Từ trước đến nay, ông Lương Văn D, Lương Văn Đ và bà Lương Thị S không đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã STT mà có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã H, huyện T. Căn cứ khoản 3, Điều 50 Luật đất đai năm 2003 và khoản 5 Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-Cp ngày 03/12/2004 của Chính Phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, điều kiện để được bồi thường đất thì ông D, ông Đ và bà S không đủ điều kiện để được bồi thường về đất.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất năm 2000, thực tế thì nhận chuyển nhượng năm 2006 được thể hiện tại biên bản làm việc ngày 30/10/2012, ông Nguyễn Bá L (người chuyển nhượng đất cho ba người nêu trên) thừa nhận “Đầu năm 2007 Tôi (L) bận đi học xa nên cuối năm 2006 đã chuyển nhượng lại phần đất cho 03 hộ nêu trên, do đó việc lập giấy chuyển nhượng đất và hoa màu đề ngày 02/8/2000 là không đúng thực tế, vì việc mua bán do bên tự thỏa thuận, xin nhận thiếu sót, rút

kinh nghiệm” cũng như bản tự trình bày kê khai đất do ông Nguyễn Bá L đứng ra kê khai ngày 15/11/2006 gửi UBND xã STT. Căn cứ khoản 1, Điều 11 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai thì giấy chuyển nhượng giữa hộ ông Nguyễn Bá L và ông Lương Văn D, Lương Văn Đ và bà Lương Thị S là không đủ cơ sở pháp lý.

Từ những cơ sở nêu trên đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của ông Lương Văn D, Lương Văn Đ và bà Lương Thị S.

Theo Văn bản số 707/UBND-TNMT ngày 10/8/2016 và Công văn số 80/UBND-TTPTQĐ ngày 06/02/2017 người bị kiện Chủ tịch UBND huyện T; UBND huyện T và tại phiên tòa người được Chủ tịch UBND huyện T trình bày:

Đối với diện tích đất ông Lương Văn D, Lương Văn Đ và bà Lương Thị S đang khiếu kiện bị ảnh hưởng dự án Sử dụng nước sau nhà máy thủy điện SH (hạng mục kênh chính đông) thì UBND huyện T giữ nguyên quan điểm giải quyết tại Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 03/05/2012 của Chủ tịch UBND huyện T và thống nhất với phần trình bày của UBND tỉnh Phú Yên.

Đối với dự án công trình xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đ, UBND huyện T trình bày:

Ngày 11/01/2010, ủy ban nhân dân xã STT lập Tờ trình số 02/TTr-UBND STT lập tờ trình số 02/TTr-UBND v/v đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất sang xây dựng trụ sở thôn Đ, xã STT, huyện T và đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất ngày 26/02/2010. Ngày 09/03/2010, UBND huyện T có Tờ trình số 22/TTr-UBND v/v đề nghị cho phép UBND xã STT chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng công trình: Trụ sở thôn Đ, xã STT, huyện T. Ngày 09/11/2010, UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 1800/QĐ-UBND v/v cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để UBND xã STT xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng dân cư diện tích 2.500m²; Sở Tài nguyên và Môi trường có Thông báo số 152/TB- TNMT ngày 10/11/2010 v/v xác định mốc và bàn giao đất thực địa công trình. Ngày 16/11/2010, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T phối hợp với UBND xã STT tiến hành giao mốc thực địa vị trí lô đất theo tờ trích lục và đo bổ sung bản đồ địa chính khu đất số 825/TĐBĐ tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Sở Tài nguyên và Môi trường Phú Yên lập ngày 22/11/2009. Tổng diện tích 2.500m².

Về nguồn gốc thửa đất: Theo hồ sơ lưu trữ, đất thu hồi thuộc thửa 48, tờ bản

đồ 49-D, trong sổ mục kê diện tích 7.790m², loại đất ĐM, ghi tên Nguyễn Bá L, thường trú thôn Đ, xã STT, không kê khai đăng ký bộ địa chính và cũng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước năm 2002 là đất Lâm nghiệp do Lâm trường TT quản lý, sau đó Lâm trường TT bàn giao lại cho UBND xã STT quản lý; ông Trần Văn Th tự chiếm và chuyển nhượng cho ông Nguyễn Bá L, đến năm 2005 ông L chuyển nhượng lại cho ông Lương Văn D, Lương Văn Đ và bà Lương Thị S bằng giấy viết tay, không có xác nhận của chính quyền địa phương.

UBND huyện và UBND xã STT thực hiện trình tự thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất đúng quy định tại Điều 125 Luật đất đai năm 2003, Điều 134 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành luật đất đai và Điều 20 quy định trình tự thủ tục trong quản lý đất đai và thực hiện các quyền của người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 472/2007/QĐ-UBND ngày 08/3/2007 của UBND tỉnh Phú Yên.

Trước khi chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đ, UBND xã STT có Thông báo số 22/TB-UBND ngày 27/10/2009 về việc thông báo thu hồi đất; mời người đang trực tiếp sản xuất trên diện tích đất sẽ thu hồi, để thống nhất phương án bồi thường, hỗ trợ. Ngày 06/9/2010, UBND xã STT có giấy cam kết không bồi thường, gửi UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường. Do đó, UBND huyện T không thu hồi đất của ông Lương Văn D, ông Lương Văn Đ và bà Lương Thị S để xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đ, xã STT, chỉ thực hiện thủ tục đề nghị UBND tỉnh chuyển mục đích sử dụng đất từ đất màu do UBND xã quản lý để xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đ, xã STT theo quy định pháp luật; không áp giá bồi thường mà chỉ hỗ trợ 10% giá đất theo mục đích sử dụng trong bảng giá đất năm 2011 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 2215/2010/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của UBND tỉnh Phú Yên đối với diện tích đất bị thu hồi là đúng theo khoản 11, Điều 1 của Quyết định 1747/2010/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 của UBND tỉnh Phú Yên.

Từ những cơ sở, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn D, Lương Văn Đ, bà Lương Thị S.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- *Đại diện UBND xã STT trình bày:* Thống nhất với nội dung trình bày của đại diện người bị kiện.

- *Đại diện Ban quản lý rừng phòng hộ T trình bày:* Diện tích đất ông Lương Văn D, Lương Văn Đ, Lương Thị S đang khiếu kiện thuộc diện tích 12.089.00 ha của Lâm trường TT (nay là Ban quản lý rừng phòng hộ T) quản lý theo Quyết định

số 512/QĐ-UB ngày 24/6/1992 của UBND tỉnh Phú Yên; và nằm trong diện tích 1.039,75 ha mà Lâm trường TT bàn giao lại cho UBND xã ST (nay là UBND xã STT) quản lý theo biên bản bàn giao đất Lâm nghiệp ngày 27/08/2002.

- Ông *Trần Văn Th* trình bày: Trong khoảng thời gian trước năm 2000 (còn cụ thể năm nào thì tôi không nhớ) tôi có đến chiếm một khu đất khoảng 15.000m² thuộc quản lý của Lâm trường TT. Tôi chỉ chiếm xong để đó chứ không khai hoang hay trồng trọt gì. Trong khoảng thời gian trên thì tôi chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Bá L với giá là 600.000 đồng, hai bên thỏa thuận viết giấy tay chứ không có ai làm chứng cũng không có chính quyền xác nhận. Đối với giấy chuyển nhượng (giấy gốc) ông D cung cấp cho Tòa án (theo biên bản giao nhận chứng cứ ngày 01/9/2015) đề ngày 06/3/1985 là không đúng và không phải do tôi lập vì năm 1980 tôi làm công nhân Nông trường ST. Từ năm 1982 đến tháng 7 năm 1985 tôi làm công an tại Nha Trang. Tháng 7 năm 1985 tôi từ Nha Trang về ở lại tại ST. Năm 1987 tôi tiếp tục làm công nhân nông trường ST, sau dự án thủy điện SH triển khai và mở đường (năm 1995) thì tôi mới cùng những người khác lên chiếm diện tích đất nêu trên.

- Ông *Nguyễn Bá L* trình bày: Diện tích đất ông Lương Văn D, Lương Văn Đ, Lương Thị S đang khiếu kiện có nguồn gốc của gia đình tôi nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn Th khoảng trước năm 1993 còn cụ thể năm nào thì tôi không nhớ rõ. Thủ tục sang nhượng chỉ có viết giấy tay, không có người làm chứng và không có xác nhận của chính quyền địa phương. Khoảng năm 2005 - 2006 (cụ thể năm nào thì gia đình tôi không nhớ rõ), do không có đủ điều kiện để canh tác trên diện tích đất đó và cần tiền để đi học nên gia đình tôi chuyển nhượng lại cho ông Lương Văn D và một số người nhà của ông D. Hình thức chuyển nhượng giấy viết tay có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn Cừ, thường trú tại thôn Đ cũng là người nhà của ông D nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương. Khi chuyển nhượng gia đình tôi có đồng ý đóng thuế tiếp 02 năm sau (năm 2006 và 2007) cho ông D. Sau khi thỏa thuận chuyển nhượng xong ông D và những người đứng tên có yêu cầu gia đình tôi thời gian chuyển nhượng lại vào năm 2000.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 28/02/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Căn cứ Điều 32; điểm a, khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1, Điều 32 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lương Văn D, ông Lương Văn Đ và bà Lương Thị S yêu cầu hủy:

Quyết định giải quyết khiếu nại số 332/QĐ-UBND ngày 22/02/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên; Quyết định 1800/QĐ-UBND ngày 09/11/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên “V/v Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để UBND xã STT xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đ Quyết định giải quyết khiếu nại số 1246/QĐ-UBND ngày 03/5/2012 của Chủ tịch UBND huyện T; hủy một phần các quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 27/11/2009 của UBND huyện T “V/v Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ công trình: Sử dụng nước sau nhà máy thủy điện SH - Kênh chính đông; địa điểm: xã STT, huyện T (đợt 2)” Quyết định số 4965/QĐ-UBND ngày 16/9/2011 của UBND huyện T “V/v Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ Công trình: Sử dụng nước sau nhà máy thủy điện SH, hạng mục kênh chính đông (đợt 4)”, đồng thời buộc Ủy ban nhân dân huyện T phải lập phương án bồi thường, hỗ trợ về đất đối với diện tích 2.500m² đất đã thu hồi để làm nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đ và 9.600m² đất thu hồi để thực hiện công trình sử dụng nước sau thủy điện SH (hạng mục kênh chính Đông), vì không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra bản án hành chính sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Ngày 13 tháng 3 năm 2017, người khởi kiện ông Lương Văn D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm cho rằng: Không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của ông Lương Văn D. Đề nghị: Bác kháng cáo của ông Lương Văn D, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, đề nghị: Hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nhiều quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ, đối thoại,...trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay. Trên cơ sở xem xét đầy đủ,

toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Người khởi kiện: ông Lương Văn D khởi kiện vụ án hành chính với các yêu cầu Hủy các Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 22/02/2013 và Quyết định số 1800/QĐ-UBND ngày 09/11/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên, về giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai. Đồng thời ông D yêu cầu Hủy các Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 03/05/2012 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Phú Yên; Quyết định số 4965/QĐ-UBND ngày 16/09/2011 và một phần Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 27/11/2009 của UBND huyện T, tỉnh Phú Yên; Buộc UBND huyện T lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các diện tích đất bị thu hồi 2.500m² (để làm nhà sinh hoạt cộng đồng) và 9.600m² (thực hiện hạng mục kênh chính Đông thủy điện SH).

Xét thấy: Về nguồn gốc diện tích đất thu hồi của ông Lương Văn D đều có nguồn gốc trong diện tích đất 1.039,75ha mà lâm trường TT đã bàn giao cho UBND xã ST (nay là xã STT) quản lý theo Biên bản ngày 27/08/2002. Việc ông D nhận chuyển nhượng đất lấn chiếm thuộc quyền quản lý của UBND xã STT là không đúng pháp luật. Vì vậy các diện tích đất nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Bá L của các ông Lương Văn D, Lương Văn Đ, bà Lương Thị S không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 Luật đất đai 2003. Căn cứ khoản 1 Điều 43 của Luật đất đai năm 2003 thì diện tích đất bị thu hồi của ông Lương Văn D, Lương Văn Đ, bà Lương Thị S không được bồi thường về đất bị thu hồi. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía người khởi kiện là có cơ sở, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, xét thấy: Nội dung kháng cáo của ông Lương Văn D không có cơ sở để chấp nhận. Ông Lương Văn D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Bác kháng cáo của ông Lương Văn D.

Giữ nguyên Bản án Hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 28/02/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, về việc “Kiện quyết định hành

chính trong lĩnh vực đất đai”, giữa: Người khởi kiện ông Lương Văn D, Lương Văn Đ, bà Lương Thị S và Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên, Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Phú Yên.

Án phí hành chính phúc thẩm: ông Lương Văn D phải nộp 300.000 đồng. Được tính trừ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2015/0000998 ngày 24/03/2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Bá Sơn